TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:53/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 05/4/2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2022/TLST - HNGĐ ngày 22/11/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐST - HNGĐ ngày 21/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23A/2023/QĐST – HNGĐ ngày 08/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy I, sinh năm 1988 (vắng mặt – có đơn)

Địa chỉ: Số 0, ấp C, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy I trình bày:

Chị và anh Trần Thanh P cưới nhau năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 22/4/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, anh P không chăm lo cuộc sống gia đình, không phụ giúp kinh tế cho chị; mặc dù chị đã cố gắng khuyên can anh P Iều lần nhưng không được nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh P không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh P, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh P nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh P có hai con chung là cháu Trần Quang U, sinh ngày 04/8/2018 và Trần Linh N, sinh ngày 29/7/2020 hiện nay con hai cháu U và N đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Trần Thanh P không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Thúy I, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu quan điểm*:

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy I; chị Thúy I được ly hôn với anh Trần Thanh P.

+ Về con chung: Giao con chung Trần Quang U, sinh ngày 04/8/2008; Trần Linh N, sinh ngày 29/7/2020 cho chị Thúy I tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thúy I không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị Thúy I trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy I có đơn và yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Thanh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị I và anh P.

` *Về nội dung:*

[1] Về hôn nhân: Chị I và anh P cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 22/4/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của chị I và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn đến cuối năm 2021 thì chị I và anh P sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc do hai bên tính tình bất hòa, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh P vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị I. Điều đó thể hiện anh P đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị I và anh P đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị I yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị I và anh P có hai con chung là Trần Quang U, sinh ngày 04/8/2008; Trần Linh N, sinh ngày 29/7/2020. Hiện con chung đang sống cùng chị I. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị I là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng

như tâm sinh lý của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trần Quang U, sinh ngày 04/8/2008; Trần Linh N, sinh ngày 29/7/2020 cho chị I tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị I không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị I trình bày không có nên không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Thúy I phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy I. Chị Nguyễn Thị Thúy I được ly hôn với anh Trần Thanh P. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 22/4/2008 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy I có quyền trực tiếp nuôi con chung Trần Quang U, sinh ngày 04/8/2008; Trần Linh N, sinh ngày 29/7/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của chị I không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: chị I trình bày không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Thúy I phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000300 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị I đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Thúy I, anh Trần Thanh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu